

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN DƯƠNG KINH  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 05-02-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi  
ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN DƯƠNG KINH - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Thắng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Ngô Văn Thành

Ông Đặng Kim Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Ngọc Tiên - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 122/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Thu Ch; nơi cư trú: Tổ 02B, phường Hải Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T; nơi cư trú: Khu Vân Quan, phường Đ, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Trịnh Thị Thu Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Đ, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không hòa hợp. Chị đã làm đơn xin ly hôn anh T vào năm 2015 nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Thời gian gần đây, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, chị Trang đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Chị và anh T sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau về tình cảm và kinh tế. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Anh T đã ký vào đơn và đồng ý ly hôn nhưng không lên tòa án để giải quyết. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Bùi Hải N, sinh ngày 12-11-2013 và cháu Bùi Hải Ph, sinh ngày 16-02-2017. Khi ly hôn, chị đề nghị nhận nuôi cả hai con; vợ chồng tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh Bùi Văn T không cung cấp lời khai, không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị Trịnh Thị Thu Ch. Tòa án đã tiến hành xác minh về mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương nơi chị Ch, anh T sinh sống và qua lời khai của gia đình hai bên.

Trước khi mở phiên tòa, chị Ch có đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án; tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị Ch được ly hôn anh T. Về con chung: Chấp nhận đề nghị của chị Ch, giao cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng hai con là Bùi Hải N và Bùi Hải Ph; vấn đề cấp dưỡng nuôi con, hai vợ chồng tự thỏa thuận. Về tài sản chung vợ chồng, không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Trịnh Thị Thu Ch có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Dương Kinh giải quyết việc ly hôn với anh Bùi Văn T cư trú tại phường Đ, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử, chị Ch và anh T đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ. Chị Ch có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ các điều 227, điều 228 và điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Ch và anh T.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Trịnh Thị Thu Ch và anh Bùi Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ tại nơi chị Ch, anh T cư trú và lời khai của đại diện gia đình hai bên đều xác định: Chị Ch và anh T xảy ra mâu thuẫn nhiều năm nay, gia đình hai bên đã hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn giữa chị Ch và anh T ngày càng căng thẳng, không hòa giải được. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau. Nay, chị Ch làm đơn xin ly hôn, anh T đã đồng ý và ký vào đơn ly hôn nhưng không lên tòa án để giải quyết, không cung cấp lời khai về việc ly hôn, cũng không có mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Tòa án đã thông báo hòa giải cho anh T nhưng anh T đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: "1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác". Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, có thể thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị Ch về việc xin ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

- Về con chung:

[4] Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Hải N, sinh ngày 12-11-2013 và cháu Bùi Hải Ph, sinh ngày 16-02-2017. Về đề nghị của chị Ch giao cả hai con

chung cho chị tiếp tục nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy, qua xác minh tại địa phương, tại gia đình anh T, chị Ch thấy, hiện nay cả hai cháu đang ăn ở sinh hoạt ổn định với chị Ch; cháu Bùi Hải N có đơn thể hiện nguyện vọng ở với chị Ch, cháu Bùi Hải Ph dưới 36 tháng tuổi. Chị Ch có đủ điều kiện nuôi con, nên giao cho chị Ch tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các con, phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị Ch không yêu cầu nên không phải xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung:

[5] Chị Ch và anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Chị Trịnh Thị Thu Ch là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[7] Chị Ch và anh T đều vắng mặt được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 28, điều 35, điều 39, điều 147, điều 207, điều 227, điều 228, điều 238 và điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Thu Ch được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị Thu Ch trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Bùi Hải N, sinh ngày 12-11-2013 và cháu Bùi Hải Ph, sinh ngày 16-02-2017 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không phải xem xét giải quyết.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị Thu Ch phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0013304 ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận

Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Chị Trịnh Thị Thu Ch đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Chị Trịnh Thị Thu Ch và anh Bùi Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND quận Dương Kinh;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Dương Kinh;
- UBND phường Đ (ĐKKH số 73/Q1/2012);
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Thắng**